

Người có tuổi và hệ thống an sinh xã hội

BÙI THẾ CƯỜNG

An sinh xã hội, với tính cách là một cấu trúc hay chức năng của xã hội, là tất yếu trong mọi xã hội, bất kể xã hội ấy ở trình độ phát triển nào và tổ chức theo trật tự như thế nào. Chức năng ấy xuất phát từ chỗ mỗi xã hội phải bảo đảm thỏa mãn *các nhu cầu xã hội thiết yếu cho sự tồn tại của con người, và bảo đảm chúng theo những điều kiện của cơ cấu xã hội*. Trong các xã hội có nhà nước, tổ chức quyền lực này nắm lấy việc tổ chức và điều hành hoạt động an sinh xã hội. Đó là nhiệm vụ hàng đầu của chính sách xã hội nhà nước.

Hệ thống an sinh xã hội mở rộng và phát triển theo tiến trình lịch sử, nó phụ thuộc vào động thái các nhu cầu xã hội thiết yếu của con người và vào biến đổi của cơ cấu xã hội. Ngày nay, người ta thường kể ra một số lĩnh vực chủ chốt của hệ thống an sinh xã hội như: dân số và gia đình, đào tạo nghề nghiệp và công ăn việc làm, thu nhập và các cơ cấu bảo đảm tiêu dùng của dân cư, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm và trợ giúp xã hội, môi trường. Nhìn từ góc độ cơ cấu xã hội, hệ thống này tác động vào điều kiện an sinh xã hội của các nhóm xã hội theo hướng bảo đảm công bằng xã hội, đặc biệt chú trọng các nhóm xã hội yếu. Trong ý nghĩa đó, an sinh xã hội cho nhóm người có tuổi là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

*

* *

An sinh xã hội, do bản chất của nó, quan hệ đến tất cả mọi thành viên, dĩ nhiên đặc điểm của quan hệ này một phần phụ thuộc vào các đặc trưng của từng nhóm người. Trong các xã hội tiền công nghiệp hóa, nhìn chung an sinh xã hội chưa trở thành một thiết chế đặc thù. Điều đáng chú ý ở đây là, trong các xã hội truyền thống chưa phân chia thành giai cấp, chính nhóm người có tuổi tham gia nắm quyền tổ chức và điều hành hoạt động an sinh xã hội, vì rằng thiết chế lớp tuổi là một nguyên tắc quyền lực trong các xã hội này. Ở các xã hội truyền thống đã phân chia thành giai cấp, quyền nói trên chuyển vào tay các chủ đất và thiết chế tôn giáo. Tuy vậy, nhìn chung trong các xã hội loại này, cuộc sống của những người già cả được toàn thể cộng đồng bảo trợ. Những hình thức giúp đỡ xã hội cho những người tuổi cao không còn khả năng lao động là rất đa dạng và được quy định thành chuẩn mực xã hội. Các công trình sử học ở Việt Nam cũng như ngay cả thực tế nông thôn hiện nay chỉ ra cho thấy vô số những ví dụ về điều nói trên. Cộng đồng làng với các thiết chế đan chéo khác nhau (gia đình, họ hàng, làng xóm...) tạo ra một mạng lưới bảo trợ xã hội bền vững và sinh động đem lại cho các thành viên cộng đồng, trong đó có người cao tuổi, một khả năng an sinh xã hội vững chắc. Trong một hoàn cảnh, sau cả một đời lao động, nuôi dạy con cháu và xây dựng cộng đồng, những người già cả được bảo đảm nơi ăn chốn ở, chăm sóc khi đau ốm, được tôn kính trong cộng đồng và được đưa về nơi yên nghỉ theo nghi lễ truyền thống. Dĩ nhiên, dự bảo trợ này phù hợp với khả năng của cộng đồng và vị thế xã hội của từng người.

Công nghiệp hóa và chế độ làm thuê làm biến đổi căn bản hoàn cảnh sống của dân cư và phương thức tổ chức an sinh xã hội. Chế độ làm thuê công nghiệp tạo ra con người làm công ăn lương không có tư liệu sản xuất, chỉ sở hữu bản thân mình và chỉ có thể đem cái đó ra trao

đôi trên thị trường để sinh sống. Đã là một hàng hóa tất có giá cả và giá cả này phụ thuộc giá trị cũng như cung cầu trên thị trường. Ở đây nảy sinh hai vấn đề: thứ nhất do tương quan cung cầu mà hàng hóa này không bán được. Thứ hai, giá trị sử dụng của nó có thể bị mất tạm thời hoặc vĩnh viễn do ốm đau, tai nạn hoặc già cả. Thế nhưng cho dù có bán được loại hàng hóa này của mình hay không, con người vẫn phải sống và sinh con đẻ cái. Để giải quyết mâu thuẫn này trong chế độ làm thuê, đã hình thành chế độ bảo hiểm xã hội với tư cách là thiết chế cốt lõi của hệ thống an sinh xã hội hiện đại. Nó giải quyết nhu cầu bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau, tai nạn lao động và tuổi già. Chế độ bảo hiểm xã hội là một trong nhiều sáng chế vĩ đại của cách mạng công nghiệp.

Có thể tạm phác họa tiến trình hình thành hệ thống bảo hiểm xã hội hiện đại như sau: Thời kỳ bắt đầu công nghiệp hóa ở nửa đầu thế kỷ 19 đã tạo ra một khoảng trống lớn xét về mặt an sinh xã hội. Trong các đô thị công nghiệp không tồn tại các hình thức an sinh xã hội truyền thống nông thôn mà cơ cấu mới cũng chưa ra đời. Sức lao động bị vắt kiệt trong các công xưởng tư nhân mà không có chế độ bảo hiểm thất nghiệp, ốm đau hay tuổi già. Trong điều kiện đó, trước hết đã xuất hiện tự phát các hình thức giúp đỡ của người lao động với nhau, của các hội từ thiện và nhà thờ. Cuối cùng, nhà nước nắm lấy chức năng bảo hiểm xã hội với việc ban hành các đạo luật và thành lập các cơ quan chuyên trách. Quá trình này diễn ra trong suốt nửa sau thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Người làm thuê, trong đó kể cả người đã có tuổi, nhận được các khoản bảo hiểm nhất định khi ốm đau, tai nạn, thất nghiệp và hết tuổi lao động. Chế độ hưu trí trở thành một bộ phận hợp thành quan trọng của hệ thống bảo hiểm xã hội, và qua đó, của hệ thống an sinh xã hội.

Những năm 30 của thế kỷ này và đặc biệt là những năm sau chiến tranh thế giới lần thứ hai đánh dấu bước phát triển mới của hệ thống an sinh xã hội. Chế độ bảo hiểm xã hội ở các nước phương Tây mở rộng đáng kể, xuất hiện hệ thống bảo hiểm xã hội ở Liên Xô và sau đó ở các nước xã hội chủ nghĩa khác. Đồng thời, đặt ra hàng loạt những vấn đề khác nhau của an sinh xã hội: dân số, gia đình, giáo dục, môi trường. Theo với tiến trình phát triển ấy, hoàn cảnh sống của người có tuổi cũng được cải thiện đáng kể. Mặt khác, vấn đề người có tuổi cũng đã trở nên gay gắt hơn bao giờ hết do những thay đổi lớn trong cơ cấu nhân khẩu (tuổi thọ tăng lên, biến đổi tương quan giữa người có tuổi, người trong độ tuổi lao động và trẻ em). Cùng với cơ cấu kinh tế, cơ cấu dân số là một nhân tố quan trọng, mà sự khủng hoảng của nó tất yếu dẫn đến sự khủng hoảng của hệ thống an sinh xã hội. Điều này đang được chứng thực ở các nước công nghiệp phát triển và cả ở nước ta.

*

* *

Cuộc cách mạng xã hội hiện tại ở Việt Nam đem lại nhiều thành tựu, trong đó có việc tạo dựng một hệ thống an sinh xã hội quốc gia cho dân cư. Ngay từ trong các chương trình giành độc lập dân tộc của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu lên các mục tiêu có liên quan đến an sinh xã hội như bảo hiểm xã hội cho người làm thuê, xây dựng hệ thống giáo dục dân chủ và chăm sóc sức khỏe cho mọi người... Đặc biệt sau 1955, ở miền Bắc đã nhanh chóng hình thành một hệ thống an sinh xã hội quốc gia đồ sộ: giải quyết công ăn việc làm thông qua con đường mở rộng mạnh mẽ khu vực kinh tế quốc doanh ven hợp tác xã, thiết lập các cơ chế phân phối thu nhập và tiêu dùng của dân cư ở đô thị và nông thôn, xây dựng mạng lưới giáo dục và y tế quốc gia, ban hành chế độ bảo hiểm xã hội cho cán bộ công nhân viên nhà nước và quân đội. Với thời gian tồn tại chế độ biên chế nhà nước, xuất hiện vấn đề người về hưu và ngày nay đã trở thành một vấn đề xã hội lớn. Sự tồn tại một thời gian dài của giai cấp nông dân tập thể cũng đặt ra vấn đề người xã viên hết tuổi lao động.

Sự khủng hoảng của hệ thống an sinh xã hội chiếm một mảng lớn trong bức tranh khủng hoảng kinh tế - xã hội hiện nay ở Việt Nam với những chỉ báo như cơ cấu thu nhập dân cư bị

rối loạn và hoàn toàn đảo lộn, số người không có việc làm rất cao và ngày càng tăng, mạng lưới giáo dục y tế xuống cấp, các định hướng giá trị liên quan đến an sinh xã hội bị lãng quên (trong vấn đề chúng ta đang đề cập có thể kể đến sự tôn trọng người có tuổi với tính cách là một chuẩn mực xã hội), môi trường bị tàn phá nặng nề và ô nhiễm tăng lên ở đô thị cũng như nhiều vùng nông thôn. Sự quá độ từ nền kinh tế kế hoạch hành chính tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường đang tỏ ra những khả năng cho tăng trưởng kinh tế, song chưa thấy rõ những dấu hiệu của việc tổ chức lại hệ thống an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường.

Nếu như cuộc khủng hoảng này tác động đến mọi tầng lớp dân cư thì cần phải nói rằng nhóm người có tuổi và trong đó người về hưu thuộc vào những tầng lớp chịu ảnh hưởng nặng nề hơn cả, trước hết vì họ ở vào những điều kiện kinh tế, xã hội và tâm lý bất lợi nhất.

Như trên đã nói, có một sự khác biệt căn bản trong hoàn cảnh sống của người có tuổi ở xã hội nông nghiệp truyền thống và xã hội sau cách mạng công nghiệp. Ở các nước công nghiệp phát triển, điều này chỉ còn là một sự so sánh giữa hai thời đại. Ở Việt Nam, phần nào người ta có thể quan sát thấy sự khác biệt ấy giữa hai không gian xã hội đô thị và nông thôn. Nhìn chung, người có tuổi ở nông thôn Việt Nam hiện nay vẫn sống trong một mạng lưới an sinh xã hội "dân gian" truyền thống, mặc dù từ nhiều thập kỷ, nhà nước đã cố gắng xây dựng và đã từng xây dựng thành công một hệ thống an sinh xã hội nhà nước ở nông thôn. Vì vậy, một khi diễn ra sự xuống cấp của cái thứ hai thì ảnh hưởng của nó đến hoàn cảnh sống của người có tuổi nông thôn được giảm nhẹ do sự tăng cường hoạt động của cái thứ nhất, vốn chưa bao giờ bị mất đi trong lý tưởng và hành vi của dân cư nông thôn. Tuy vậy, trong một tương lai gần, người ta sẽ có thể cần phải lưu ý đến vấn đề này, một khi nông thôn tiến mạnh vào nền kinh tế thị trường. Trước mắt, nhà nước cần tạo ra khung cảnh cho phép kết hợp hài hòa hai mạng lưới an sinh xã hội "dân gian" và "chính thức". Bảo hiểm tuổi già cho dân cư nông thôn có thể là một triển vọng trong tầm tay.

Tình hình phức tạp hơn nhiều trong không gian đô thị, vì trên nhiều nét cơ bản, đời sống lao động và sinh hoạt ở đô thị nước ta đã được tổ chức theo nguyên tắc công nghiệp. Khủng hoảng ở đây diễn ra gay gắt hơn và để lại những hậu quả nặng nề hơn. Vấn đề bức xúc hàng đầu của người có tuổi ở đô thị là thu nhập và điều kiện làm thêm. Một bộ phận người có tuổi ở đô thị cũng không có chế độ bảo hiểm tuổi già, họ phải tiếp tục lao động trong khung cảnh khắc nghiệt của môi trường công nghiệp và buôn bán đô thị, một sự khắc nghiệt khác hẳn môi trường nông thôn. Và khi không còn khả năng lao động nữa thì họ phải sống nhờ hoàn toàn vào con cái mà ít khi có một cơ sở kinh tế độc lập tối thiểu. Nhưng ngay cả những người về hưu thì cái cơ sở này cũng không còn đủ cho việc trang trải các nhu cầu rất đơn sơ của tuổi già. Một vài công trình nghiên cứu xã hội học về người về hưu cho thấy, một phần không nhỏ người về hưu vẫn phải chu cấp kinh tế cho con cái, điều này chỉ có thể giải thích rằng họ vẫn phải tiếp tục lẫn lộn trong thị trường lao động đô thị mặc dù tuổi tác cao.

Những biến đổi đáng lo ngại trong đời sống gia đình đô thị hiện nay tác động nặng nề đến người có tuổi, vì rằng các nghiên cứu xã hội học đã xác nhận vai trò đặc biệt to lớn mà gia đình đảm nhiệm trong giai đoạn kết thúc chu trình sống của con người. Gia đình là một mắt khâu hết sức quan trọng của hệ thống an sinh xã hội "truyền thống" cũng như hiện đại, nó là nhóm xã hội gần gũi nhất của người có tuổi, có khả năng đem lại những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến sự thích nghi của họ đối với điều kiện sống mới và vai trò xã hội mới. Thu nhập của lớp người trung niên thấp, tình trạng kém phát triển của các loại dịch vụ đô thị (cơm nước, giặt giũ dọn dẹp...), nhà ở chật chội, những "con lóc giá trị", tất cả những điều đó làm xung đột gia đình tăng lên, và ở đây người có tuổi bị ảnh hưởng rất nặng nề. Một chính sách nhà ở mới, trong đó có những biện pháp lưu ý đến người có tuổi và các gia đình có người tuổi cao, có ý nghĩa đáng kể. Nhiều công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế đều cho thấy phần lớn

thanh niên và trung niên đã có con cái đều muốn một điều kiện ở gần gũi song độc lập với bố mẹ, một điều kiện "đủ gần đủ xa". Đây là mô hình phổ biến ở nông thôn, song ở đô thị điều này rất khó thực hiện. Cũng cần phát triển các nhà dưỡng lão, tuy rằng ở nước ta còn ít được tập quán chấp nhận và ngay ở phương Tây, nơi mà huyền thoại về nó đã tồn tại từ lâu, song các nghiên cứu thực nghiệm lại cho thấy thực tế rất ít người già sống trong đó. Mặc dù vậy, luôn luôn có một tỷ lệ phần trăm nào đó những người già cần đến loại nhà này và có thể sống ở đó thực sự là tốt hơn ở gia đình họ.

Không nên nghĩ rằng trong mạng lưới an sinh xã hội chung, người có tuổi không còn quan hệ gì đến hệ thống giáo dục nữa. Trái lại, nhiều công trình nghiên cứu xác nhận rằng, nỗi ưu phiền lớn của người có tuổi là cảm giác về sự giảm sút khả năng thích nghi với đời sống hiện đại. Khác với xã hội truyền thống, các xã hội hiện đại luôn luôn biến đổi tăng tốc. Và đây là một thách thức lớn đối với người có tuổi. Để có khả năng rèn luyện kỹ năng thích nghi với hiện tại luôn biến đổi, người có tuổi cần được sự hỗ trợ của xã hội và gia đình thông qua các hình thức và hoạt động đặc thù phù hợp với tuổi tác. Chẳng hạn, ở một số nước người ta có những chương trình thời sự riêng cho người già và người tàn tật, vì những người này rất khó theo dõi tốt các chương trình bình thường do độ phức tạp của nội dung và tốc độ truyền tin. Cũng phải chú ý đến việc giáo dục cho các thành viên xã hội khác nhau những hiểu biết và cách ứng xử với người có tuổi, đặc biệt là những người trong gia đình có người già.

*

* *

Chăm lo các điều kiện an sinh xã hội cho người có tuổi, giúp họ đảm nhiệm các vai trò xã hội mới, đó là công việc có ý nghĩa to lớn đối với phát triển xã hội, vì rằng không chỉ trong xã hội truyền thống, nơi mà người có tuổi thực sự được tôn kính do chỗ họ nắm vững kho tri thức kinh nghiệm sản xuất sản xuất, "lịch sử" cộng đồng và truyền bá các giá trị xã hội có ý nghĩa sống còn, mà ngay cả trong xã hội hiện đại, người có tuổi cũng vẫn là một tài nguyên xã hội quý báu theo mọi ý nghĩa của từ này.